

bài 1. Sắp xếp lại các từ và cụm từ để tạo thành những câu đơn.

1. soft drinks / never / my sister / drinks /.

=> _____

2. affects / acne / 80% of young people /.

=> _____

3. has / he / for breakfast / bread and eggs /.

=> _____

4. don't eat / we / much fast food /.

=> _____

5. a lot of vitamins / fruit and vegetables / have /.

=> _____

bài 2. Viết các câu hoàn chỉnh từ gợi ý. Bạn có thể phải thay đổi các từ hoặc thêm một số từ.

1. tofu / be / healthy.

=> _____

2. many Vietnamese / drink / green tea.

=> _____

3. she / not / use / sunscreen.

=> _____

4. father / not / exercise / every morning.

=> _____

5. most children / have / chapped lips and skin / winter.

=> _____

bài 3. viết một câu đơn từ 2 câu đã cho.

ví dụ: Many people are running. (Nhiều người đang chạy.). Many people are exercising. (Nhiều người đang tập thể dục.)

=> Many people are running and exercising.

1. We avoid sweetened food. We avoid soft drinks.

=> We avoid _____.

2. My dad loves outdoor activities. I love outdoor activities.

=> My _____ love outdoor activities.

3. You should wear a hat. You should wear sunscreen.

=> You should wear _____.

4. My mother read the health tips. My mother downloaded the health tips.

=> My mother _____.

bài 4: Hoàn thành câu với động từ bên dưới.

are exercise avoid affects keep

1. Healthy food and exercise help people _____ fit.
2. Weather: **thời tiết** that is too cold: **lạnh** or too hot: **nóng** _____ your skin condition.
3. Children: **trẻ em** should _____ fast food and soft drinks.
4. Bad habits: **thói quen xấu** like eating too much sweetened food and going to bed late: **đi ngủ muộn** _____ harmful to our health.
5. We can _____ indoors and outdoors.